BÁO CÁO TÀI CHÍNH

# CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÉP VIỆT

Niên độ từ 01/01/2010 đến 31/12/2010

ASCO

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÉP VIỆT

## MỤC LỤC


| | | Trang |
|---|---|---|
| 1. | Báo cáo của Hội đồng Quản trị và ban Tổng Giám đốc | 01 - 03 |
| 2. | Báo cáo kiểm toán | 04 - 05 |
| 3. | Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2010 | |
| | - Bảng cân đối kế toán | 06 - 07 |
| | - Kết quả hoạt động kinh doanh | 08 |
| | - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 09 - 10 |
| | - Thuyết minh báo cáo tài chính | 11 - 18 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÉP VIỆT

**BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần quản lý quỹ Thép Việt hân hạnh trình bày bản báo cáo này và Báo cáo tài chính cho kỳ từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung:**

Thành lập: Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Thép Việt là doanh nghiệp 100% vốn đầu tư trong nước, được thành lập theo Giấy phép thành lập số 31/UBCK - GP ngày 14 tháng 04 năm 2008 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp.

- Tên công ty : Công ty Cổ phần quản lý quỹ Thép Việt
- Tên giao dịch : Thepviet Capital Fund Management Joint Stock Company.
- Tên viết tắt : TVC
- Vốn điều lệ đăng ký : 25.000.000.000 VND
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 VND
- Số cổ phần và giá trị vốn cổ phần đã góp:
  + Tổng Số cổ phần : 2.500.000 Cổ phần
  - Cổ phần phổ thông 500.000 Cổ phần
  - Cổ phần cổ đông sáng lập 2.000.000 Cổ phần
  + Giá trị cổ phần : 25.000.000.000 VND
- Chi tiết cổ đông góp vốn:

| Nhóm cổ đông | Số cổ phần | Tỷ lệ cổ phần | Loại cổ đông |
|---|---|---|---|
| 1. Công ty TNHH TM & SX Thép Việt | 1.000.000 | 40% | Sáng lập |
| 2. Nguyễn Thị Lệ Huyền | 375.000 | 15% | Sáng lập |
| 3. Huỳnh Bửu Sơn | 250.000 | 10% | Sáng lập |
| 4. Phạm Phú Trường | 250.000 | 10% | Sáng lập |
| 5. Võ Thúy Anh | 125.000 | 5% | Sáng lập |
| 6. Hồ Quang Khánh | 125.000 | 5% | Thường |
| 7. Đào Thị Hồng Trinh | 125.000 | 5% | Thường |
| 8. Đỗ Trần Khôi | 125.000 | 5% | Thường |
| 9. Trần Thị Lệ | 125.000 | 5% | Thường |
| **Cộng** | **2.500.000** | **100%** | |

- Trụ sở chính : Lầu 5, Số 289 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh:**

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;

**3. Hội đồng quản trị và ban điều hành quản lý:**

Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

***Hội đồng Quản trị***

| | |
|---|---|
| Ông Đỗ Tiến Sĩ | Chủ tịch |
| Ông Đỗ Duy Thái | Thành viên |
| Ông Phạm Phú Trường | Thành viên |
| Bà Võ Thúy Anh | Thành viên |
| Bà Nguyễn Thị Lệ Huyền | Thành viên |
| Huỳnh Bửu Sơn | Thành viên |

***Ban điều hành quản lý***

| | |
|---|---|
| Bà Lê Thị Kim Hà | Tổng Giám đốc |
| Bà Phạm Thị Mỹ Tiên | Kế toán trưởng |

**4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010 được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

*Đơn vị tính (VND)*

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Tổng thu nhập | 1.669.995.713 | 1.401.629.808 |
| Tổng chi phí | 2.264.070.108 | 3.281.587.941 |
| **Lỗ kỳ báo cáo** | **(594.074.395)** | **(1.879.958.133)** |

**5. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ**

Đến ngày lập báo cáo này, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần phải được điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót;

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**7. Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm. Báo cáo tài chính này đã phản ảnh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**8. Kiểm toán viên độc lập**

Công Ty Kiểm Toán AS (ASCO) là kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần quản lý quỹ Thép Việt.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2011*

**Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÉP VIỆT

**LÊ THỊ KIM HÀ**

AS AUDITING COMPANY
63A Vo Van Tan St., Ward 6, Dist.3, HCM City
Tel : (84.8) 39301277 - 39301278 Fax : (84.8) 39301395
E-mail: ktas@vnn.vn website: www.kiemtoanas.com.vn

ASCO

Số: 16.01.11/AS

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN
# VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010
# CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÉP VIỆT

**Kính gửi:** **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÉP VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần quản lý quỹ Thép Việt gồm: bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Quý Công ty từ trang 06 đến trang 18, các báo cáo này được soạn thảo phù hợp với hệ thống chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung của Bộ Tài Chính.

Việc lập, soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Quý Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

**Cơ sở của việc kiểm toán**

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo những quy định của Nhà nước Việt Nam về Chế độ kế toán và kiểm toán, phù hợp với các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế cùng với những Thông lệ kiểm toán được Nhà nước Việt Nam chấp nhận.

Trên căn bản thử nghiệm, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến các số liệu và các công bố trên các Báo cáo tài chính nói trên. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về những ước lượng và những ý kiến quan trọng đã được thể hiện bởi Ban Tổng Giám đốc của Quý Công ty, về sự phù hợp của các nguyên tắc, phương pháp tính và trình bày đầy đủ trong việc soạn thảo các Báo cáo tài chính.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán để đạt được tất cả các thông tin và các giải trình cần thiết. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo quan điểm của Chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty Cổ phần quản lý quỹ Thép Việt tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2011

**Giám đốc**

**Võ Phan Sử**
Chứng chỉ Kiểm Toán Viên
Số: 0330/KTV
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

**Kiểm toán viên**

**Lê Thị Thu Hương**
Chứng chỉ Kiểm Toán Viên
Số: 1255/KTV
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÉP VIỆT

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010*

*Đơn vị tính: VND*

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **TÀI SẢN LƯU ĐỘNG** | **100** | | **22.259.568.370** | **22.766.626.933** |
| **Tiền và tương đương tiền** | **110** | **V.01** | **22.257.816.852** | **8.351.497.638** |
| Tiền mặt tại quỹ | 111 | | 8.496.550 | 5.250.074 |
| Tiền gửi Ngân hàng | 112 | | 32.717.273 | 1.046.247.564 |
| Tiền đang chuyển | 113 | | - | - |
| Tương đương tiền | 114 | | 22.216.603.029 | 7.300.000.000 |
| **Đầu tư ngắn hạn** | **120** | | - | - |
| Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| Đầu tư ngắn hạn khác | 122 | | - | - |
| **Các khoản phải thu** | **130** | | - | **14.294.132.227** |
| Phải thu khách hàng | 131 | | - | - |
| Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ | 132 | | - | - |
| Phải thu nội bộ | 133 | | - | - |
| Phải thu khác | 134 | | - | 14.294.132.227 |
| Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*) | 135 | | - | - |
| **Tài sản lưu động khác** | **150** | **V.02** | **1.751.518** | **120.997.068** |
| Vật liệu, công cụ, dụng cụ | 151 | | - | - |
| Tài sản lưu động khác | 152 | | 1.751.518 | 120.997.068 |
| **TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN** | **200** | | **111.449.091** | **248.593.026** |
| **Tài sản cố định** | **210** | **V.03** | **111.449.091** | **248.593.026** |
| Tài sản cố định hữu hình | 211 | | 111.449.091 | 248.593.026 |
| *Nguyên giá* | 212 | | *437.935.548* | *526.432.311* |
| *Giá trị hao mòn luỹ kế* | *213* | | *(326.486.457)* | *(277.839.285)* |
| Tài sản cố định thuê tài chính | *214* | | - | - |
| *Nguyên giá* | *215* | | - | - |
| *Giá trị hao mòn luỹ kế* | *216* | | - | - |
| Tài sản cố định vô hình | *217* | | - | - |
| *Nguyên giá* | *218* | | - | - |
| *Giá trị hao mòn luỹ kế* | *219* | | - | - |
| **Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khá** | **230** | | - | - |
| Đầu tư chứng khoán | 231 | | - | - |
| Đầu tư dài hạn khác | 232 | | - | - |
| Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (*) | 233 | | - | - |
| **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang** | **250** | | - | - |
| **Tài sản dài hạn khác** | **260** | | - | - |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | - | - |
| Các khoản ký quỹ, ký cược | 262 | | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 263 | | - | - |
| **TỔNG CỘNG TÀI SẢN** | **270** | | **22.371.017.461** | **23.015.219.959** |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÉP VIỆT

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010*

*Đơn vị tính: VND*

| NGUỒN VỐN | MÃ SỐ | Thuyết minh | Số cuối năm | Số cuối năm |
|---|---|---|---|---|
| **NỢ PHẢI TRẢ** | **300** | | **2.900.231.925** | **2.950.360.028** |
| **Nợ ngắn hạn** | **310** | | **2.886.113.925** | **2.936.242.028** |
| Vay ngắn hạn | 311 | | - | - |
| Phải trả người bán | 312 | V.04 | 36.600.000 | 62.991.403 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | | - | - |
| Phải trả công nhân viên | 314 | | - | - |
| Chi phí phải trả | 315 | V.05 | 233.813.925 | 257.540.625 |
| Phải trả nội bộ | 316 | | - | - |
| Phải trả, phải nộp khác | 317 | V.06 | 2.615.700.000 | 2.615.710.000 |
| **Nợ dài hạn** | **340** | | **14.118.000** | **14.118.000** |
| Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm | 341 | V.07 | 14.118.000 | 14.118.000 |
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 342 | | - | - |
| **NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU** | **400** | | **19.470.785.536** | **20.064.859.931** |
| **Nguồn vốn** | **410** | **V.08** | **19.470.785.536** | **20.064.859.931** |
| Nguồn vốn kinh doanh | 411 | V.08(α) | 25.000.000.000 | 25.000.000.000 |
| Cổ phiếu quỹ | 412 | | - | - |
| Lợi nhuận tích lũy | 413 | | - | - |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 414 | | - | - |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 415 | | - | - |
| Quỹ dự trữ | 416 | | - | - |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 417 | V.08(β) | (5.529.214.464) | (4.935.140.069) |
| **Quỹ** | **420** | | - | - |
| Quỹ khen thưởng phúc lợi | 421 | | - | - |
| **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN** | **430** | | **22.371.017.461** | **23.015.219.959** |
| | | | - | - |

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| STT | Chỉ tiêu | Mã số | Th.minh | Số cuối năm | Số cuối năm |
|---|---|---|---|---|---|
| 1. | Tài sản cố định thuê ngoài | 001 | | - | - |
| 2. | Vật tư nhận giữ hộ | 002 | | - | - |
| 3. | Nợ khó đòi đã xử lý | 003 | | - | - |
| 4. | Ngoại tệ các loại | 004 | | 1.186,03 | 1.198,81 |
| 5. | Chứng khoán theo mệnh giá | 005 | | - | - |

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2011*

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng Giám Đốc |
|---|---|---|
| LÊ TẤN KHOA | PHẠM THỊ MỸ TIÊN | LÊ THỊ KIM HÀ |

S.G.P: 31 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÉP VIỆT
QUẬN 11 - TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÉP VIỆT

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010* *Đơn vị tính: VND*

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| **Doanh thu hoạt động kinh doanh** | **01** | | - | - |
| **Các khoản giảm trừ doanh thu** | **02** | | - | - |
| **Doanh thu thuần** | **10** | | - | - |
| **Chi phí hoạt động kinh doanh** | 11 | | - | - |
| **Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh** | **12** | | - | - |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 13 | V.11 | 1.607.021.818 | 1.400.891.417 |
| Chi phí tài chính | 14 | V.12 | - | 121.533.300 |
| *Trong đó: Chi phí lãi vay* | - | | - | - |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 15 | V.12 | 2.210.883.221 | 3.160.054.641 |
| **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** | **16** | | **(603.861.403)** | **(1.880.696.524)** |
| Thu nhập khác | 17 | V.11 | 62.973.895 | 738.391 |
| Chi phí khác | 18 | | 53.186.887 | - |
| **Lợi nhuận khác** | **19** | | **9.787.008** | **738.391** |
| **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** | **20** | | **(594.074.395)** | **(1.879.958.133)** |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | **21** | | - | - |
| **Lợi nhuận sau thuế TNDN** | **22** | | **(594.074.395)** | **(1.879.958.133)** |

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2011*

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng Giám Đốc |
|---|---|---|
| LÊ TẤN KHOA | PHẠM THỊ MỸ TIÊN | LÊ THỊ KIM HÀ |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÉP VIỆT

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ** *(Theo phương pháp trực tiếp)*

*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010* *Đơn vị tính: VND*

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|---|
| **LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH** | | | |
| - Tiền thu từ phí quản lý quỹ | 01 | - | - |
| - Tiền thu từ phí tư vấn | 02 | - | - |
| - Tiền thu từ phí phát hành | 03 | - | - |
| - Nhận và trả tiền ký cược, ký quỹ của khách hàng | 04 | | 106.200.000 |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 05 | 78.445.128 | 125.821.067 |
| - Tiền trả cho người cung cấp | 06 | (241.325.553) | (616.612.999) |
| - Trả lãi tiền vay | 07 | | - |
| - Tiền nộp thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước | 08 | (139.620.752) | (223.935.168) |
| - Tiền chi trả cho cán bộ công nhân viên | 09 | (1.192.365.393) | (1.129.239.039) |
| - Tiền chi mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ | 10 | | (26.254.000) |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 11 | (499.683.837) | (1.092.651.542) |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh*** | ***30*** | ***(1.994.550.407)*** | ***(2.856.671.681)*** |
| **LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ** | | | |
| - Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định | 31 | (58.790.000) | - |
| - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 32 | 58.505.576 | - |
| - Tiền đầu tư chứng khoán | 33 | - | - |
| - Thu từ thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán | 34 | - | - |
| - Tiền góp vốn đầu tư vào đơn vị khác | 35 | - | - |
| - Tiền thu hồi vốn góp đầu tư vào đơn vị khác | 36 | - | - |
| - Tiền thu lãi trái phiếu, lãi đầu tư khác | 37 | 1.641.154.045 | 1.784.817.934 |
| - Tiền thu khác từ hoạt động đầu tư | 38 | 17.160.000.000 | - |
| - Tiền chi khác từ hoạt động đầu tư | 39 | (2.900.000.000) | (121.533.300) |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư*** | ***40*** | ***15.900.869.621*** | ***1.663.284.634*** |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÉP VIỆT

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ** *(Theo phương pháp trực tiếp)*

*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010* *Đơn vị tính: VND*

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|---|
| **LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH** | | | |
| - Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 41 | - | - |
| - Tiền trả lại vốn cho chủ sỡ hữu, mua lại cổ phiếu | 42 | - | - |
| - Tiền đi vay | 43 | - | - |
| - Tiền trả nợ vay | 44 | - | - |
| - Tiền trả nợ thuê tài chính | 45 | - | - |
| - Tiền trả cổ tức cho cổ đông | 46 | - | - |
| - Tiền thu khác từ hoạt động tài chính | 47 | | 632.000.000 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động tài chính | *48* | | (14.892.967.359) |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính*** | ***50*** | ***-*** | ***(14.260.967.359)*** |
| ***Lưu chuyển tiền thuần trong Kỳ*** | ***60*** | ***13.906.319.214*** | ***(15.454.354.406)*** |
| **Tiền và tương đương tiền đầu kỳ** | **70** | 8.351.497.638 | 23.804.880.756 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 80 | | 971.288 |
| **Tiền và tương đương tiền cuối kỳ** | **90** | **22.257.816.852** | **8.351.497.638** |

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2011*

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |
|---|---|---|
| LÊ TẤN KHOA | PHẠM THỊ MỸ TIÊN | LÊ THỊ KIM HÀ |

Bản thuyết minh này nhằm chú giải một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu được thể hiện trên Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần quản lý quỹ Thép Việt được nêu từ trang 06 đến trang 10. Bản thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời của các Báo cáo tài chính.

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập: Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Thép Việt là doanh nghiệp 100% vốn đầu tư trong nước, được thành lập theo Giấy phép thành lập số 31/UBCK - GP ngày 14 tháng 04 năm 2008 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp.

2. Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần

3. Vốn điều lệ: 25.000.000.000 VND

4. Ngành nghề kinh doanh:

   - Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
   - Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;

5. Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình kinh doanh: Không có.

## II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: Việt Nam Đồng (VND).

   Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh.

   Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng hệ thống chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung của Bộ Tài Chính. Báo cáo tài chính này được lập theo mẫu quy định tại Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14/09/2005 do Bộ Tài Chính ban hành.

2. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền: ghi nhận tất cả các nghiệp vụ liên quan đến tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng, hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Nguyên tắc thể hiện: Các khoản phải thu thương mại và thu khác thể hiện theo số phải thu ban đầu trừ đi dự phòng khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng khoản phải thu khó đòi: được lập dựa vào đánh giá của Ban giám đốc về các khoản nợ quá hạn trên một năm và các khoản nợ dưới một năm nhưng có dấu hiệu không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định: Thực hiện theo Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoãn lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Phương pháp khấu hao đường thẳng.

Tỷ lệ khấu hao đăng ký cho từng tài sản cố định: Dựa theo Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

| Loại tài sản | Thời gian khấu hao |
|---|---|
| Dụng cụ quản lý | 3 năm |

4. Các khoản đầu tư chứng khoán:

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gởi có kỳ hạn có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt, đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu và có thời gian đầu tư dự kiến không quá

5. Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác :

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó xác định một cách đáng tin cậy.

6. Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% (hai mươi lăm phần trăm) thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : Ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp.
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty cuối năm tài chính được sử dụng để trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành. Tỷ lệ trích lập các quỹ không được quy định bởi pháp luật hiện hành sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đồng thời vẫn phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận .

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí:

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với Doanh thu trong kỳ.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 01. Tiền và các khoản tương đương tiền

| Chi tiết | Cuối năm | Đầu năm |
|---|---|---|
| **Tiền mặt tại quỹ** | 8.496.550 | 5.250.074 |
| **Tiền gửi ngân hàng:** | **32.717.273** | **1.046.247.564** |
| - Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín | 29.517.881 | 543.321.802 |
| - Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu | 2.527.948 | 2.513.182 |
| - Ngân hàng HSBC - Chi nhánh TP.HCM (TK lưu ký) | 671.444 | 500.412.580 |
| **Các khoản tương đương tiền** | **22.216.603.029** | **7.300.000.000** |
| - Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn Sài Gòn Thương Tín | 21.700.000.000 | 7.300.000.000 |
| - Ngân hàng HSBC - Chi nhánh TP.HCM | 516.603.029 | - |
| **Cộng tiền và các khoản tương đương tiền** | **22.257.816.852** | **8.351.497.638** |

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, chi tiết số dư bằng ngoài tệ như sau:

| | Nguyên tệ USD | Quy VND |
|---|---|---|
| Tiền gửi Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín | 1.045,52 | 18.593.420 |
| Tiền gửi Ngân hàng Cổ Phần Thương Mại Á Châu | 140,51 | 2.503.486 |

**02. Tài sản lưu động khác**

| Chi tiết | Cuối năm | Đầu năm |
|---|---|---|
| - Tạm ứng | 1.751.518 | 120.997.068 |
| **Cộng** | **1.751.518** | **120.997.068** |

**03. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Thiết bị quản lý

| Chỉ tiêu | Số đầu năm | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Số cuối năm |
|---|---|---|---|---|
| *I. Nguyên giá* | *526.432.311* | *58.790.000* | 147.286.763 | *437.935.548* |
| *II. Giá trị hao mòn* | *277.839.285* | *142.747.048* | 94.099.876 | *326.486.457* |
| III.Giá trị còn lại | 248.593.026 | | | 111.449.091 |

**04. Phải trả người bán**

| Chi tiết | Cuối năm | Đầu năm |
|---|---|---|
| Phải trả cho nhà cung cấp | 36.600.000 | 62.991.403 |

**05. Chi phí phải trả**

| Chi tiết | Cuối năm | Đầu năm |
|---|---|---|
| - Trích trước lương tháng 13 và trợ cấp thôi việc | 233.813.925 | 257.540.625 |

**06. Phải trả, phải nộp khác**

| Chi tiết | Cuối năm | Đầu năm |
|---|---|---|
| - Bảo hiểm xã hội & Bảo hiểm y tế | - | 10.000 |
| - Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 2.115.700.000 | 2.115.700.000 |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 500.000.000 | 500.000.000 |
| **Cộng** | **2.615.700.000** | **2.615.710.000** |

## 07. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

| Chi tiết | Cuối năm | Đầu năm |
|---|---|---|
| Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm trích từ 1% đến 3% trên Quỹ lương đóng BHXH. | 14.118.000 | 14.118.000 |

## 08. Vốn chủ sở hữu

**Bảng đối chiếu biến động của nguồn vốn chủ sở hữu**

| Chỉ tiêu | Số đầu kỳ | Tăng trong kỳ | Giảm trong kỳ | Số cuối kỳ |
|---|---|---|---|---|
| **Vốn chủ sở hữu** | **20.064.859.931** | **(594.074.395)** | - | **19.470.785.536** |
| Nguồn vốn kinh doanh (α) | 25.000.000.000 | - | - | 25.000.000.000 |
| Lợi nhuận chưa phân phối (β) | (4.935.140.069) | (594.074.395) | - | (5.529.214.464) |
| **Nguồn kinh phí và quỹ khác** | - | - | - | - |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - |
| **Cộng** | **20.064.859.931** | **(594.074.395)** | - | **19.470.785.536** |

*(α)* Tính đến thời điểm 31/12/2010, vốn góp của các cổ đông Công ty Cổ phần quản lý quỹ Thép Việt là 25.000.000.000. Công ty đã góp vốn đủ theo giấy phép. Chi tiết góp vốn của các cổ đông như sau:

*Đơn vị tính: VND*

| STT | Tên cổ đông | Số vốn phải góp | Tỷ lệ cổ phần | Loại Cổ đông |
|---|---|---|---|---|
| 1. | Công ty TNHH TM & SX Thép Việt | 10.000.000.000 | 40% | Sáng lập |
| 2. | Nguyễn Thị Lệ Huyền | 3.750.000.000 | 15% | Sáng lập |
| 3. | Huỳnh Bửu Sơn | 2.500.000.000 | 10% | Sáng lập |
| 4. | Phạm Phú Trường | 2.500.000.000 | 10% | Sáng lập |
| 5. | Võ Thúy Anh | 1.250.000.000 | 5% | Sáng lập |
| 6. | Hồ Quang Khánh | 1.250.000.000 | 5% | Thường |
| 7. | Đào Thị Hồng Trinh | 1.250.000.000 | 5% | Thường |
| 8. | Đỗ Trần Khôi | 1.250.000.000 | 5% | Thường |
| 9. | Trần Thị Lệ | 1.250.000.000 | 5% | Thường |
| **Cộng** | | **25.000.000.000** | **100%** | |

*(β)* **Lợi nhuận chưa phân phối:**

| **Chỉ tiêu** | **Số tiền** |
|---|---|
| Lỗ đầu năm | (4.935.140.069) |
| Lỗ trong năm 2010 | (594.074.395) |
| Lỗ lũy kế đến 31/12/2010 | (5.529.214.464) |

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 10. Lỗ kỳ báo cáo

| **Chỉ tiêu** | **Năm nay** | **Năm trước** |
|---|---|---|
| Tổng thu nhập | 1.669.995.713 | 1.401.629.808 |
| Tổng chi phí | 2.264.070.108 | 3.281.587.941 |
| **Lỗ kỳ báo cáo** | **(594.074.395)** | **(1.879.958.133)** |

### 11. *Tổng thu nhập trong kỳ bao gồm :*

| | **Năm nay** | **Năm trước** |
|---|---|---|
| Doanh thu hoạt động kinh doanh | - | - |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | - | - |
| Doanh thu thuần | - | - |
| Doanh thu thuần hoạt động tài chính | 1.607.021.818 | 1.400.891.417 |
| - *Lãi tiền gửi ngân hàng* | *1.607.021.818* | *1.400.891.417* |
| - *Lãi chênh lệch tỷ giá* | - | - |
| Thu nhập khác | 62.973.895 | 738.391 |
| **Cộng** | **1.669.995.713** | **1.401.629.808** |

**12. *Tổng chi phí trong kỳ bao gồm :***

| ***Chi tiết:*** | **Năm nay** | **Năm trước** |
|---|---|---|
| Chi phí hoạt động kinh doanh | - | - |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 2.210.883.221 | 3.160.054.641 |
| Chi phí hoạt động tài chính | - | 121.533.300 |
| - *Chi phí lãi vay* | - | - |
| Chi phí khác | - | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | - |
| **Cộng** | **2.210.883.221** | **3.281.587.941** |

Tổng chi phí trong năm 2010 là chi phí phát sinh kế toán, chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được xác định theo quyết toán thuế.

## VII. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÉP VIỆT

Trong năm 2010 Công ty CP Quản lý quỹ Thép Việt đang có hoạt động quản lý danh mục đầu tư cho Công ty Cổ phần Du lịch Kỳ Vân.

Giá trị vốn ủy thác: 500.000.000 VND

## VIII MỘT SỐ CHỈ TIÊU KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH

| **Chỉ tiêu** | Đơn vị tính | **Năm nay** | **Năm trước** |
|---|---|---|---|
| **Bố trí cơ cấu tài sản** | | | |
| Tài sản dài hạn / Tổng tài sản | % | 0,50 | 1,08 |
| Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản | % | 99,50 | 98,92 |
| **Bố trí cơ cấu nguồn vốn** | | | |
| Nợ phải trả tổng nguồn vốn | % | 12,96 | 12,82 |
| Nguồn vốn CSH / Tổng nguồn vốn | % | 87,04 | 87,18 |
| **Khả năng thanh toán** | Đơn vị tính | | |
| Khả năng thanh toán hiện hành | lần | 7,71 | 7,80 |
| Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn | lần | 7,71 | 7,75 |
| Khả năng thanh toán nhanh | lần | 7,71 | 2,84 |

## VIX NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Các Báo cáo tài chính trên đây đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 17 tháng 02 năm 2011.

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2011*

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng Giám Đốc |
|---|---|---|
| LÊ TẤN KHOA | PHẠM THỊ MỸ TIÊN | LÊ THỊ KIM HÀ |